

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **01/2019/NQ-HĐND**

Tiền Giang, ngày 19 tháng 4 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức
trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 ngày 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Xét Tờ trình số 101/TTr-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Tiền Giang; Báo cáo thẩm tra số 13/BC-HĐND ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ; công chức, công chức thực hiện chế độ tập sự trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; công chức trong bộ máy lãnh đạo, quản lý đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

2. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu phố.

3. Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; người thuộc biên chế được giao hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang làm việc tại các Hội.

5. Cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và lực lượng vũ trang nhân dân thuộc diện Tỉnh ủy quản lý hoặc được quy hoạch chức vụ, chức danh thuộc diện Tỉnh ủy quản lý.

6. Cán bộ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp có phần vốn nhà nước chi phối hoặc được quy hoạch chức vụ, chức danh thuộc diện Tỉnh ủy quản lý.

Sau đây các đối tượng quy định tại khoản 1, 2, 4, 5, 6 Điều này được gọi chung là cán bộ, công chức; đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này gọi chung là viên chức.

Điều 3. Yêu cầu, điều kiện cử đi đào tạo, đền bù chi phí đào tạo

1. Yêu cầu, điều kiện cử đi đào tạo

a) Thực hiện theo các quy định từ Điều 4 đến Điều 6 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

b) Đào tạo liên thông từ y sĩ lên bác sĩ, đào tạo đại học chính trị các chuyên ngành (văn bằng 2), ngành nghề đào tạo cụ thể giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh xét duyệt đối tượng và số lượng cụ thể đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học, sau đại học hàng năm trên cơ sở cân đối nguồn ngân sách của tỉnh.

2. Đền bù chi phí đào tạo

Thực hiện theo các quy định từ Điều 7 đến Điều 14 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 4. Mức chi hỗ trợ đào tạo cán bộ, công chức, viên chức trong nước

1. Chi phí dịch vụ đào tạo và các khoản chi phí bắt buộc phải trả cho các cơ sở đào tạo: theo hoá đơn của cơ sở đào tạo nơi cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo hoặc theo hợp đồng cụ thể do cấp có thẩm quyền ký kết.

2. Chi hỗ trợ tiền ăn và chi phí đi lại

a) Mỗi năm được hỗ trợ 2.000.000 đồng/người, nhưng không quá 10.000.000 đồng/khóa học;

b) Thời gian khóa học được tính theo quyết định cử đi đào tạo của cấp có thẩm quyền;

c) Trường hợp học ngoài tỉnh, được hỗ trợ thêm 2.000.000 đồng/người/khóa học.

3. Chi hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ (trong trường hợp cơ sở đào tạo và đơn vị tổ chức đào tạo xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ)

a) Học ngoài tỉnh: 10.000.000 đồng/người/khóa học;

b) Học trong tỉnh: 5.000.000 đồng/người/khóa học.

4. Chi hỗ trợ kinh phí mua tài liệu học tập bắt buộc

a) Tiến sĩ, chuyên khoa II: 20.000.000 đồng/người/khóa học;

b) Thạc sĩ, chuyên khoa I: 10.000.000 đồng/người/khóa học;

c) Đại học: 5.000.000 đồng/người/khóa học;

d) Cao đẳng, Trung cấp: 4.000.000 đồng/người/khóa học.

5. Mức hỗ trợ thêm cho đối tượng nữ được cử đi đào tạo: 2.000.000 đồng/người/khóa học.

Điều 5. Mức chi hỗ trợ đào tạo cán bộ, công chức, viên chức ở nước ngoài

1. Đối với các trường hợp đi đào tạo ở các nước như Anh, Úc, Canada, Hoa Kỳ, Nhật, Đức, Pháp, Nga

a) Tiến sĩ: 930 triệu đồng/khóa học;

b) Thạc sĩ: 600 triệu đồng/khóa học.

2. Đối với các trường hợp đi học tại các nước còn lại

a) Tiến sĩ: 850 triệu đồng/khóa học;

b) Thạc sĩ: 520 triệu đồng/khóa học.

3. Trường hợp đào tạo theo hình thức hỗn hợp

Khi chương trình đào tạo sau đại học trong nước có sự tham gia của một hoặc nhiều trường đại học nước ngoài, có tổng thời gian đào tạo ở nước ngoài bằng 2/3 (hai phần ba) thời gian cả khóa học thì được xác định là đào tạo theo hình thức hỗn hợp thì được hỗ trợ như sau:

a) Tiến sĩ: 560 triệu đồng/khóa học;

b) Thạc sĩ: 280 triệu đồng/khóa học.

Điều 6. Chi tổ chức hội nghị tập huấn, cập nhật kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức

1. Thời gian tổ chức hội nghị tập huấn, cập nhật kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ không quá 05 ngày.

2. Các khoản chi có liên quan đến công tác tổ chức hội nghị tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ

a) Chi tiền ăn, tiền nghỉ, tiền đi lại theo quy định tại Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

b) Chi giảng viên, báo cáo viên theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Nghị quyết này;

c) Chi thuê hội trường, phòng học; thuê thiết bị, dụng cụ phục vụ giảng dạy (đèn chiếu, máy vi tính, thiết bị khác...); chi mua, in ấn giáo trình, tài liệu trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); chi in và cấp chứng chỉ; chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên: Thực hiện theo khoản 6 Điều 8 của Nghị quyết này.

Điều 7. Mức chi hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức dự lớp bồi dưỡng trong nước

1. Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên trong thời gian đi học tập trung (từ ngày khai giảng đến ngày bế giảng, không tính ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết)

a) Học trong tỉnh: 40.000 đồng/ngày/người;

b) Học ngoài tỉnh: 80.000 đồng/ngày/người.

2. Chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về; nghỉ lễ; nghỉ tết): thực hiện mức chi theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND.

3. Chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho học viên trong những ngày đi học tập trung tại cơ sở bồi dưỡng (trong trường hợp cơ sở bồi dưỡng và đơn vị tổ chức bồi dưỡng xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ): thực hiện mức chi theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND.

4. Mức hỗ trợ thêm cho đối tượng nữ được cử đi bồi dưỡng: 100.000 đồng/người/khóa học.

Điều 8. Chi tổ chức các lớp bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong nước

1. Mức chi cho giảng viên, báo cáo viên

a) Mức chi thù lao giảng viên, báo cáo viên: (một buổi giảng được tính 04 tiết học, đã bao gồm cả thù lao soạn giáo án bài giảng):

- Ủy viên Trung ương Đảng; Bộ trưởng; Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương: mức chi 2.000.000 đồng/buổi;

- Thứ trưởng; Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương; Giáo sư; Phó Giáo sư; Chuyên gia cao cấp; Tiến sĩ; Giảng viên cao cấp: mức chi 1.600.000 đồng/buổi;

- Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Vụ trưởng và Phó Vụ trưởng thuộc Bộ; Viện trưởng và Phó Viện trưởng thuộc Bộ; Cục trưởng, Phó Cục trưởng và các chức danh tương đương (Giám đốc các Sở, Trưởng các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, Bí thư cấp ủy cấp huyện, chuyên viên cao cấp); Giảng viên chính: mức chi 1.200.000 đồng/buổi;

- Phó Giám đốc các sở, cấp phó các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Phó Bí thư cấp ủy cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thạc sĩ; Chuyên viên chính và tương đương: mức chi 1.000.000 đồng/buổi;

- Cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị ở Trung ương và cấp tỉnh (ngoài 4 nhóm đối tượng nêu trên): mức chi 800.000 đồng/buổi;

- Cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị cấp huyện và tương đương: mức chi 600.000 đồng/buổi;

- Cán bộ, công chức cấp xã: mức chi 400.000 đồng/buổi.

Riêng đối với các giảng viên chuyên nghiệp làm nhiệm vụ giảng dạy trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, thì số giờ giảng vượt định mức được thanh toán theo quy định hiện hành về chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo

trong các cơ sở giáo dục công lập theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập. Trường hợp các giảng viên này được mời tham gia giảng dạy tại các lớp học do các cơ sở đào tạo khác tổ chức thì vẫn hưởng theo chế độ thù lao giảng viên theo quy định.

b) Chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên: thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND;

c) Chi thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên: trường hợp cơ quan, đơn vị không bố trí được phương tiện, không có điều kiện bố trí chỗ nghỉ cho giảng viên mà phải đi thuê thì được chi theo mức chi quy định hiện hành tại khoản 1 và khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND;

d) Các khoản chi cho giảng viên, báo cáo viên là người nước ngoài, giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho từng trường hợp cụ thể.

đ) Chi thù lao cho trợ giảng bằng 50% mức chi của giảng viên, báo cáo viên được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Chi dịch thuật: thực hiện theo mức chi dịch thuật quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.

3. Chi nước uống phục vụ lớp học: thực hiện theo mức chi nước uống tổ chức các cuộc hội nghị theo quy định tại Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND.

4. Chi ra đề thi, coi thi, chấm thi: thực hiện theo mức chi tối đa quy định tại Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham gia các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực.

Riêng đối với các giảng viên chuyên nghiệp làm nhiệm vụ giảng dạy trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện quy đổi thời gian ra giờ chuẩn theo quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

5. Chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc: 200.000 đồng/học viên.

6. Các khoản chi phí theo thực tế phục vụ trực tiếp lớp học

a) Chi thuê hội trường, phòng học; thuê thiết bị, dụng cụ phục vụ giảng dạy (đèn chiếu, máy vi tính, thiết bị khác....);

b) Chi mua, in ấn giáo trình, tài liệu trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); chi in và cấp chứng chỉ;

c) Chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên.

Các khoản chi phí thực tế nêu trên khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hoá đơn theo quy định. Đối với các khoản chi thuê phòng học, thuê thiết bị, dụng cụ phục vụ giảng dạy phải có hợp đồng, hoá đơn theo quy định; trong trường hợp mượn cơ sở vật chất của các cơ quan, đơn vị khác tổ chức lớp đào tạo, bồi dưỡng nhưng vẫn phải thanh toán các khoản chi phí điện, nước, vệ sinh, an ninh, phục vụ, thì chứng từ thanh toán là bản hợp đồng và thanh lý hợp đồng công việc giữa hai bên kèm theo phiếu thu của cơ quan, đơn vị cho mượn cơ sở vật chất.

7. Chi phí tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế

a) Chi trả tiền phương tiện đưa, đón học viên đi khảo sát, thực tế: theo hợp đồng, chứng từ chi thực tế;

b) Hỗ trợ một phần tiền ăn, tiền nghỉ cho học viên trong những ngày đi thực tế: bằng 50% mức chi phụ cấp lưu trú và thuê phòng nghỉ theo quy định tại Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND.

8. Chi biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng mới; chi chỉnh sửa, bổ sung cập nhật chương trình, tài liệu bồi dưỡng: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục Đại học, giáo dục nghề nghiệp.

9. Chi hoạt động quản lý trực tiếp các lớp bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp đào tạo, bồi dưỡng.

Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc cơ quan tổ chức lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được phép trích 10% trên tổng kinh phí của mỗi lớp học và được tính trong phạm vi nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng được phân bổ để chi phí cho các nội dung chi: chi công tác phí cho cán bộ quản lý lớp của cơ sở đào tạo (nếu có); chi làm thêm giờ của cán bộ quản lý lớp (nếu có) và các khoản chi khác để phục vụ quản lý, điều hành lớp học (nếu có).

Kinh phí phục vụ quản lý lớp học không chi hết, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, cơ quan tổ chức lớp bồi dưỡng được chủ động sử dụng cho các nội dung khác có liên quan phục vụ nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Cơ

sở đào tạo, bồi dưỡng, cơ quan tổ chức lớp bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ về định mức chi quản lý và sử dụng khoản kinh phí quản lý lớp học đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước.

10. Trường hợp cơ quan, đơn vị được giao kinh phí bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức nhưng không có cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, không có điều kiện tự tổ chức lớp phải gửi cán bộ, công chức, viên chức đi bồi dưỡng ở các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng khác thì cơ quan, đơn vị thanh toán cho các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng các khoản

a) Chi phí bồi dưỡng theo hợp đồng dịch vụ do cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ký kết với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng;

b) Tiền mua giáo trình, tài liệu học tập bắt buộc và các khoản chi phí bắt buộc phải trả cho các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng theo hoá đơn thu tiền của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.

Điều 9. Chi các hoạt động phục vụ trực tiếp công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của địa phương

1. Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị; chi đi công tác để kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND.

2. Chi điều tra, khảo sát xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng: thực hiện mức chi theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia.

3. Chi văn phòng phẩm, các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: căn cứ chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ theo quy định hiện hành.

Điều 10. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Đào tạo sau đại học

a) Kinh phí hỗ trợ đào tạo cho cán bộ, công chức quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết này do ngân sách nhà nước đảm bảo.

b) Kinh phí hỗ trợ đào tạo cho viên chức quy định tại khoản 3 Điều 2 của Nghị quyết này do ngân sách nhà nước hỗ trợ, sử dụng từ nguồn kinh phí đào tạo hàng năm của tỉnh, như sau:

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi đầu tư và chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% mức hỗ trợ đào tạo quy định tại Điều 4, Điều 5 của Nghị quyết này; thủ trưởng đơn vị quyết định mức hỗ trợ thêm của đơn vị theo quy chế chi tiêu nội bộ.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% mức hỗ trợ đào tạo quy định tại Điều 4, Điều 5 của Nghị quyết này; thủ trưởng đơn vị quyết định mức hỗ trợ thêm của đơn vị theo quy chế chi tiêu nội bộ.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: ngân sách nhà nước hỗ trợ 70% mức hỗ trợ đào tạo quy định tại Điều 4, Điều 5 của Nghị quyết này; thủ trưởng đơn vị quyết định mức hỗ trợ thêm của đơn vị theo quy chế chi tiêu nội bộ.

2. Đào tạo liên thông từ y sĩ lên bác sĩ quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này: ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí dịch vụ đào tạo và các khoản chi phí bắt buộc phải trả cho các cơ sở đào tạo theo hoá đơn của cơ sở đào tạo, tiền tài liệu (nếu có) theo các mức chi của Nghị quyết này, bố trí từ nguồn kinh phí đào tạo hàng năm của tỉnh; các khoản chi phí khác do thủ trưởng đơn vị quyết định hỗ trợ theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

3. Đào tạo đại học chính trị các chuyên ngành (văn bằng 2) đối với đối tượng quy định tại khoản 1, 3 Điều 2 của Nghị quyết này do ngân sách nhà nước đảm bảo.

4. Đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị

a) Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị đối với các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 Điều 2 của Nghị quyết này do ngân sách nhà nước đảm bảo.

b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí dịch vụ đào tạo và các khoản chi phí bắt buộc phải trả cho các cơ sở đào tạo theo hoá đơn của cơ sở đào tạo, tiền tài liệu (nếu có) cho đối tượng quy định tại khoản 3, 5, 6 Điều 2 của Nghị quyết này, sử dụng từ nguồn kinh phí đào tạo hàng năm của tỉnh; các khoản chi phí khác do thủ trưởng đơn vị quyết định hỗ trợ theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

5. Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh

a) Kinh phí bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh đối với các đối tượng quy định tại khoản 1, 2, 4 Điều 2 của Nghị quyết này do ngân sách nhà nước đảm bảo.

b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí dịch vụ đào tạo và các khoản chi phí bắt buộc phải trả cho các cơ sở đào tạo theo hoá đơn của cơ sở đào tạo, tiền tài

liệu (nếu có) cho đối tượng quy định tại khoản 3, 5, 6 Điều 2 của Nghị quyết này, sử dụng từ nguồn kinh phí đào tạo hàng năm của tỉnh; các khoản chi phí khác do thủ trưởng đơn vị quyết định hỗ trợ theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

6. Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước

a) Kinh phí bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết này do ngân sách nhà nước đảm bảo.

b) Nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí dịch vụ đào tạo và các khoản chi phí bắt buộc phải trả cho các cơ sở đào tạo theo hoá đơn của cơ sở đào tạo, tiền tài liệu (nếu có) đối với đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 của Nghị quyết này, sử dụng từ nguồn kinh phí đào tạo hàng năm của tỉnh; các khoản chi phí khác do thủ trưởng đơn vị quyết định hỗ trợ theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

7. Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ: kinh phí bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đối với đối tượng quy định tại khoản 1, 2, 4 Điều 2 của Nghị quyết này do ngân sách nhà nước đảm bảo.

8. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở nước ngoài: kinh phí đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài được giao trong dự toán hàng năm của cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ, công chức, viên chức thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chi theo Đề án hoặc trường hợp cụ thể đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức và học sinh, sinh viên đào tạo theo địa chỉ sử dụng của ngành y tế đã được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo theo Nghị quyết số 07/2011/NQ-HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức và thu hút nguồn nhân lực của tỉnh Tiền Giang và Nghị quyết số 82/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 07/2011/NQ-HĐND, chưa được cấp bằng tốt nghiệp thì được hỗ trợ các khoản kinh phí chưa nhận theo quy định tại Nghị quyết số 07/2011/NQ-HĐND và Nghị quyết số 82/2014/NQ-HĐND, nhưng phải đảm bảo thực hiện theo thời hạn đào tạo quy định.

2. Trường hợp các lớp bồi dưỡng được tổ chức trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực nhưng chưa quyết toán kinh phí thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 07/2011/NQ-HĐND và Nghị quyết số 82/2014/NQ-HĐND.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang khoá IX, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 19 tháng 4 năm 2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 29 tháng 4 năm 2019.

Các quy định về chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức tại Nghị quyết số 07/2011/NQ-HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức và thu hút nguồn nhân lực của tỉnh Tiền Giang và Nghị quyết số 82/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 07/2011/NQ-HĐND hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành./

Nơi nhận:

- UB. Thường vụ Quốc hội;
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ;
- HĐDT, các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Bộ Nội vụ, Bộ GD và ĐT;
- Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- Cục Hành chính - Quản trị II (VPCP);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Các đ/c UVBTV Tỉnh uỷ;
- UBND, UB. MTTQ tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- ĐB. Quốc hội đơn vị tỉnh Tiền Giang;
- ĐB. HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT. HĐND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Ấp Bắc;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Danh